

QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA KARL MARX VÀ FRIEDRICH ENGELS VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG

✍ ThS. PHẠM THỊ KIM XUYẾN*

Karl Marx sinh ngày 5 tháng 5 năm 1818 ở thành phố Tơ-ri-ơ (Trier), tỉnh Ranh, nước Phổ (nay là nước Đức) trong gia đình luật sư Heinrich Marx. Ở trường phổ thông, Karl Marx học rất giỏi, đặc biệt nổi bật ở những lĩnh vực đòi hỏi tính độc lập sáng tạo. Năm 1835, Karl Marx vào học ngành luật học ở Đại học Bonn, sau đó tiếp tục học ở Đại học Berlin và Đại học Jena. Từ năm 1836 Karl Marx bắt đầu nghiên cứu triết học và lịch sử triết học. Năm 1841 Karl Marx nhận bằng tiến sĩ triết học tại Đại học Jena với luận án: “Về sự khác nhau giữa triết học tự nhiên Đê-mô-crit và triết học tự nhiên của Ê-pi-cu-ya”.

Friedrich Engels sinh ngày 28 tháng 11 năm 1820 ở Barmen, Vương quốc Phổ (nay là Wuppertal, Đức). Bố của ông là một chủ xưởng dệt lớn ở Phổ lúc bấy giờ. Năm 1837 theo yêu cầu của Bố, Friedrich Engels phải thôi học trung học để làm việc kinh doanh. Trong thời gian này ông tự học các ngành sử học, triết học, văn học, ngôn ngữ và thơ ca. Tháng 6 năm 1838, Friedrich Engels đến làm việc tại văn phòng thương mại ở thành phố cảng Barmen. Cuối năm 1839 Friedrich Engels bắt tay vào nghiên cứu các tác phẩm triết học của Hê-nghen.

Lần đầu tiên Karl Marx gặp Friedrich Engels vào cuối tháng 11-1842 khi Friedrich Engels trên đường sang Anh và ghé thăm ban biên tập Rheinische Zeitung (Nhật báo tỉnh Ranh). Mùa hè năm 1844 hai ông trở thành bạn cùng chung lý tưởng và quan điểm trong tất cả mọi vấn đề lý luận và thực tiễn. Nhờ sự giúp đỡ của Friedrich Engels về mặt tài chính, gia đình của Karl Marx mới có thể vượt qua những khó khăn trong cuộc sống và bộ Tư bản mới được xuất bản trọn vẹn. Tình bạn của các ông đã thực sự trở thành một “huyền thoại” như nhận xét của một giáo trình triết học Mỹ. Tháng 2 năm 1845 cuốn sách “Gia đình và thần thánh” của Karl Marx và Friedrich Engels ra đời đã phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm và phương pháp của nó. Hai ông cùng hợp sức viết công trình nổi tiếng “Hệ tư tưởng Đức” (1845 -

1846), tiếp đó năm 1848 Đại hội II Liên đoàn những người Cộng sản đã ủy nhiệm Karl Marx và Friedrich Engels cùng viết “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”.

Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, Karl Marx cho rằng: “*Bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội*” [4, Tr.257]; điều đó có nghĩa là tất cả các quan hệ xã hội sẽ góp phần hình thành nên bản chất của con người. Để con người tồn tại và phát triển cần có những “công cụ” tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mà con người đang sinh sống. Một trong những “công cụ” hết sức quan trọng để thực hiện được điều đó chính là chính sách vì chính sách là chính sách của con người, vì con người và phát huy nhân tố con người, nghĩa là quyền được sống và hưởng thụ của con người luôn cần được tôn trọng và bảo đảm. Trên cơ sở đó để thực thi các chính sách, điều tiết lợi ích, tạo nên môi trường sống công bằng giữa các cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội (sự đồng thuận xã hội).

Nghiên cứu về lao động, đặc biệt là phân công lao động theo giới, Karl Marx và Friedrich Engels đã viết: “*Lao động càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những phân biệt về lứa tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính*” [2, Tr.425].

Khi phân tích “Tình cảnh của lao động nữ ở Anh”, Friedrich Engels đã nhận định: “*Ở đây cũng như mọi nơi, những người phụ nữ trung thực trong nhân dân - những người muốn sống bằng lao động, chứ không phải bằng việc buôn bán thân xác mình, ngay cả những thời kỳ thương nghiệp phồn thịnh, cũng chỉ nhận được khoản tiền công chật vật lắm mới cho*

* Trường Đại học Công đoàn

phép họ không chết đói;... Khi họ bị ném ra đường phố do thiếu việc làm, mà điều đó thường xảy ra với những con người bất hạnh ấy - Họ không còn con đường nào khác ngoài nghề mại dâm, ăn xin, hoặc đến nhà tế bần tồi tệ hơn nhà tù" [5, tập 45, Tr.234]

Karl Marx còn đề cập đến chiếm hữu sức lao động nữ và trẻ em trong chủ nghĩa tư bản: "Vì máy móc làm cho sức bắp thịt trở thành thừa, cho nên nó trở thành một công cụ để sử dụng những người lao động không có sức bắp thịt hoặc có cơ thể chưa phát triển đầy đủ nhưng chân tay lại mềm mại hơn. Vì vậy, khi tư bản sử dụng máy móc thì tiếng nói đầu tiên của nó là: "Lao động của phụ nữ và trẻ em". Như vậy khi trình độ khoa học công nghệ càng phát triển, thì phân công lao động theo giới sẽ thay đổi theo và dẫn đến lao động nam giới sẽ thay dần lao động nữ giới và trẻ em" [2, Tr.255].

Học thuyết giá trị thặng dư, Karl Marx đã phân tích chủ nghĩa tư bản và chỉ rõ sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản bằng cách tăng cường độ lao động của lao động nữ trong các nhà máy dệt đã vắt kiệt sức lao động của họ và dẫn đến tác động xấu đến sức khỏe người lao động nhất là lao động nữ. Điều đó làm cho người phụ nữ không thực hiện đầy đủ chức năng trong gia đình như sinh con, nuôi con, chăm sóc và giáo dục con và chính vì thế tỷ suất chết ở trẻ em sẽ tăng lên. Karl Marx viết: "Những người mẹ bị bắt buộc phải làm việc ngoài gia đình và vì thế mà con cái không được chăm sóc và bị trông coi không tốt, như bị cho ăn uống không thích hợp, thiếu ăn, cho ăn những chất có thuốc phiện,... thêm vào đó là việc làm cho người mẹ xa rời con cái một cách trái với tự nhiên, tiếp đó là việc cố tình để cho chúng bị đói và đầu độc chúng" [3, Tr.302].

Khi nhận định về "Sự bần cùng của công nhân ở Anh", Karl Marx viết: "Nhà máy đã đóng cửa; gia đình không còn bất kỳ phương tiện gì để sinh sống. Cái nghèo đói đã kéo dẫn họ từng bước vào tình trạng tuyệt vọng. Các khoản dành dụm chẳng đáng là bao đã nhanh chóng cạn hết" [5, tập 15, Tr.727].

Phân tích: "Tình cảnh của công nhân phân xưởng" (ngày 07 tháng 4 năm 1857), Karl Marx đã trích dẫn từ bản báo cáo tổng hợp của thanh tra về lao động: "Không có gì đáng ngạc nhiên là trong những điều kiện như vậy, những tai nạn do máy móc gây ra như: tử thương, mất bàn tay hoặc cánh tay, mất cẳng chân hoặc bàn chân, gãy chân tay, vỡ sọ và vỡ xương mặt, bị thương chấn thương,... trong nửa năm". Đồng thời Karl Marx còn chỉ ra rằng: "Vì các chủ xưởng không hề muốn bảo hộ đời

sống và an toàn cho công nhân của chính mình, mà chỉ tìm cách trốn tránh việc phải trả tiền cho những tay và chân của công nhân đã mất đi khi làm việc cho họ, cũng như trút bỏ trách nhiệm về chi phí hao mòn cho những máy sống của mình, cho nên chẳng có gì là lạ khi, theo các báo cáo chính thức số trường hợp kéo dài ngày lao động trái với đạo luật công xưởng tăng lên. Theo thuật ngữ của đạo luật này, kéo dài ngày lao động có nghĩa là buộc người lao động làm việc quá số giờ trong ngày mà pháp luật đã qui định. Việc đó được tiến hành bằng những cách khác nhau: hoặc bắt đầu làm việc trước sáu giờ sáng hoặc ngừng làm việc quá sáu giờ chiều, hoặc rút bớt những giờ ăn của công nhân đã được luật pháp qui định. Trong cả ngày, máy hơi nước được khởi động ba lần, nghĩa là vào buổi sáng lúc bắt đầu làm việc và sau giờ nghỉ ăn sáng và ăn trưa; máy cũng đóng ba lần, vào lúc bắt đầu mỗi lần nghỉ để ăn và lúc tan tầm buổi chiều. Như vậy, có thể ăn cắp sáu lần, mỗi lần 5 phút, tổng cộng là nửa giờ một ngày. Công việc kéo dài ra 5 phút một ngày, nhân cho số tuần, sẽ đem lại hai ngày rưỡi lao động trong một năm; nhưng việc kéo dài ngày lao động để ăn cắp còn vượt xa phạm vi đó" [5, Tập 12, Tr.234,235]. Chính từ những thủ đoạn ngày mà: "Lợi nhuận có thể thu được bằng cách kéo dài ngày lao động một cách bất hợp pháp như vậy là một sự quyến rũ quá lớn đối với các chủ xưởng nên họ đã không chống lại được. Họ hy vọng là không bị sa lưới, còn khi họ thấy đối với những kẻ bị sa lưới, số tiền phạt và chi phí cho tòa án cũng chẳng đáng là bao, thì họ cho rằng nếu có bị vạch mặt, họ cũng còn được một khoản lời lớn" [5, tập 12, Tr.235].

Từ một số nội dung trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, Karl Marx và Friedrich Engels đã đi sâu phân tích về điều kiện lao động, thời gian lao động, chi phí hao mòn lao động,... để chỉ ra sự bóc lột và bần cùng hóa giai cấp công nhân nói chung và những người lao động nói riêng. Đồng thời, hai ông cũng đưa ra cơ sở lý luận, đó là hệ thống các qui định pháp luật, chính sách hiện hành đối với người lao động để từ đó so sánh và đi đến qui kết giai cấp tư sản - những người bóc lột sức lao động của người lao động, những người làm thuê.

Những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cơ sở lý luận và phương pháp luận để chúng ta lý giải quan hệ lao động trong doanh nghiệp, cơ cấu lao động nghề nghiệp, dịch chuyển lao động, điều

kiện lao động, môi trường lao động, chính sách và lao động... Điều đó được thể hiện thông qua các quan điểm sau:

Quan điểm gắn lý luận với thực tiễn: Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp đổi mới ở nước ta là hết sức cần thiết, từ đó giúp khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều. Bệnh kinh nghiệm là bệnh tuyệt đối hoá kinh nghiệm, coi kinh nghiệm là tất cả, coi nhẹ lý luận, không chịu học tập lý luận. Người mắc bệnh kinh nghiệm thường nhân danh “đề cao thực tiễn” để hạ thấp lý luận, coi thường lý luận. Bệnh này ở nước ta có, do nhiều nguyên nhân: ảnh hưởng của xã hội nông nghiệp cổ truyền; ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, tư tưởng tiểu tư sản; vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, không nắm được thực chất mối quan hệ biện chứng giữa kinh nghiệm và thực tiễn. Còn bệnh giáo điều là bệnh cường điệu lý luận, coi nhẹ thực tiễn, coi lý luận là “bất di bất dịch”, tách lý luận khỏi thực tiễn, vận dụng lý luận không căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bệnh này là do sự yếu kém về trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tác động tiêu cực của chế độ tập trung quan liêu, bao cấp; vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn... Lý luận giải quyết những vấn đề cho tính hợp lý, tính logic, tạo ra mô hình xã hội có được từ việc thực hiện chính sách. Còn thực tiễn là cái hiện thực đòi hỏi chính sách phải phục vụ nó, chính sách phải đi sát thực tế, nắm bắt được mạch sống của xã hội.

Quan điểm lịch sử, cụ thể: Khi chúng ta nhận thức về vai trò của chính sách và tác động của nó vào quá trình lao động phải chú ý đến hoàn cảnh lịch sử cụ thể, môi trường cụ thể; trong đó có hoạt động lao động, mối quan hệ lao động; quan hệ đối tác xã hội tồn tại và phát triển. Thực tế cho chúng ta thấy, một chính sách lao động phù hợp và khoa học trong điều kiện này, nhưng sẽ là chính sách lao động bất cập trong điều kiện khác. Vì thế, để xác định đúng đường lối chủ trương, chính sách của từng giai đoạn cụ thể, của từng thời kỳ, bao giờ cũng phải phân tích tình hình cụ thể của đất nước cũng như bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách, cần bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến hoàn cảnh cụ thể. Vì, chính sách trước hết nó là sản phẩm của lịch sử, của đường lối chính trị cho một giai đoạn lịch sử nhất định. Nó góp phần vào việc giải quyết những vấn đề có tính chất lịch sử của một giai đoạn phát triển. Khi chuyển sang giai đoạn lịch

sử khác với những đặc điểm và tính chất của mỗi giai đoạn khác nhau, đòi hỏi các yếu tố liên quan đến hoạt động lao động cũng phải thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội mới.

Vấn đề đặt ra là phải tư duy lĩnh vực lao động như thế nào cho đúng với hoàn cảnh, nếu đi quá xa với hiện thực thì trở thành phiêu lưu, không tưởng, thậm chí mang tính chất cưỡng bức xã hội, nếu đi chậm hơn so với lịch sử, không theo kịp hiện thực, yêu cầu của lịch sử thì trở thành vật cản xã hội. Đặc biệt là chúng ta cần đặt Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toán cầu hóa, hội nhập quốc tế, để trên cơ sở đó chúng ta cần nhìn nhận khách quan và đánh giá đúng chất lượng nguồn lao động, cũng như năng suất lao động trong bối cảnh hiện nay.

Quan điểm phát triển toàn diện và bền vững.

Mục tiêu cao nhất của hoạt động lao động là phát triển xã hội, đem lại đời sống tốt đẹp cho con người. Xét về quan điểm phát triển là phải làm thế nào để đảm bảo được thu nhập, nâng cao trình độ dân trí, sức khoẻ người lao động. Quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta nhận thức về sự vật trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại giữa các sự vật đó với các sự vật khác, kể cả mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể nhận thức đúng sự vật. Đồng thời quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta phải phân biệt từng mối liên hệ, phải biết chú ý tới mối liên hệ, mối quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, mối quan hệ ba bên trong đối tác xã hội, mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, loại hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, giữa đô thị và nông thôn,... và lưu ý đến sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mối liên hệ, quan hệ để hiểu rõ bản chất và có phương pháp tác động phù hợp để đem lại hiệu quả cao trong việc nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Quan điểm phát triển đòi hỏi không chỉ nắm bắt những chính sách lao động hiện đang tồn tại, mà còn thấy khuynh hướng vận động và phát triển trong tương lai của các chính sách hiện hành, phải thấy được những biến đổi đi lên cũng như những biến đổi có tính chất thụ lùi tạm thời. Song điều cơ bản là phải khái quát những biến đổi để vạch ra khuynh hướng biến động vận động của chính sách. Mặt khác,

(Xem tiếp trang 18)

6. Xây dựng GCCN lớn mạnh phải bắt đầu từ phát huy vai trò và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người công nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra công nhân “*Phải biết làm tròn nhiệm vụ làm chủ và nhiệm vụ lãnh đạo của mình*”¹⁵. Theo Bác vấn đề đặt ra cho cán bộ, công nhân phải: “*Chẳng những thạo về chính trị, mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung*”¹⁶.

Mỗi người công nhân là tế bào của GCCN, giai cấp công nhân chỉ mạnh khi mỗi người công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp cao, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có lập trường chính trị vững vàng, có tình yêu quê hương đất nước và ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên. Quán triệt tư tưởng của Bác, mỗi người công nhân cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với giai cấp và dân tộc, đặc biệt là đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước vì “*Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh*” để không ngừng nỗ lực phấn đấu học tập, công tác, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, lao động với năng suất chất lượng, hiệu quả ngày càng cao góp phần xây dựng GCCN lớn mạnh, sớm đưa nước ta đuổi kịp các nước trong khu vực và thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ thức tỉnh, xác định vai trò to lớn của GCCN Việt Nam trong lịch sử, không chỉ dẫn dắt công nhân Việt Nam từ người nô lệ trở thành chiến sĩ đấu tranh cho tự do, hạnh phúc của nhân dân, mà còn chuẩn bị các điều kiện lí luận, tư tưởng, chính trị, tổ chức để xây dựng GCCN luôn là lực lượng tiên phong lãnh đạo cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay cần quán triệt sâu sắc, vận dụng linh hoạt, sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng GCCN nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. □

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 1 NXB Sự thật Hn 1989, T 164- 165.
2. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 10, NXB Sự thật Hn 1989 T 809.
3. Hồ Chí Minh vấn đề giáo dục, NXB Giáo dục, HN 1990 T 67- 68.
4. Nt.
5. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 2 NXB Sự thật, HN 1989, T 221.
6. Nt.
7. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 10, NXB Sự thật, HN 1989, T 809.
8. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 10, NXB Sự thật, HN 1989, T 809.
9. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 8, NXB Sự thật, HN 1989, T 246.

10. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 8. NXB Chính trị quốc gia HN 1990, T 88.
22. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 8. NXB Chính trị quốc gia HN 1990, T 88.
12. Bác Hồ với GCCN, NXB Lao động, HN 1999, T 277
13. Hồ Chí Minh toàn tập, T 567.
14. Bác Hồ với GCCN, NXB Lao động, HN 1999, T 291
15. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 9, NXB Sự thật, HN 1989, T 81.
16. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 2, NXB Sự thật, HN 1989, T 221.

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA...

(Tiếp theo trang 29)

khi xem xét các chế độ chính sách lao động theo quan điểm còn phải biết cách phân chia quá trình phát triển thành các giai đoạn cụ thể, có bước đi, lộ trình. Trên cơ sở đó để tìm ra giải pháp nhận thức và cách tác động phù hợp nhằm thúc đẩy sự vật tiến triển nhanh hơn hoặc kìm hãm sự phát triển của chính sách theo hướng có lợi hay có hại đối với đời sống của người lao động.

Tựu chung lại: Quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể và phát triển của Karl Marx và Friedrich Engels giúp cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách định hướng, chỉ đạo hoạt động thực tiễn, đặc biệt là điều chỉnh bổ sung sửa đổi các chế độ chính sách đối với người lao động. Tuy nhiên để thực hiện được chúng, mỗi người cần nắm vững cơ sở lý luận và vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn lịch sử. Ngày nay, để lao động góp phần phát triển xã hội bền vững, ổn định thể chế và chế độ chính trị, không làm xáo trộn hay ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội, các bước đi của nhà quản lý, hoạch định chính sách cần có lộ trình và phù hợp với thực tế, kết hợp được cả hai yếu tố nội lực và xu hướng phát triển toàn cầu, nhưng không để mất đi những giá trị bản sắc dân tộc. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997): “*Triết học*” (dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác (1988), Tư bản - Phần thứ nhất, tập 1, Nxb Tiến bộ, Mátxcova
3. C. Mác - Ăng-ghen (1996), “*Bàn về Công đoàn*”, Nxb Lao động, Hà Nội.
4. C. Mác - Ăng-ghen “*Tuyển tập*”, tập 1 (1976), Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
5. C. Mác - Ăng-ghen “*Toàn tập*”, tập 12,15, 45, 47 (1993), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.